TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HS-ST
Ngày 26-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Lương Thị Kim Dung

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Văn Đức - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Mai C, sinh năm 1986, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Kiều Thượng, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị N; có chồng là Nguyễn Ngọc G và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã ngày 17/9/2022, chuyển tạm giam từ ngày 20/9/2022; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đồng Lạc, xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Đồng Lạc, xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

3. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Đồng Lạc, xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

4. Anh Bùi Đình Đ, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Đồng Lạc, xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

5. Anh Phan Văn N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 5, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Bá M, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố Mai Hùng, phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

7. Anh Đinh Văn S, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 5, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; có mặt.

8. Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 2, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 2, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

10. Anh Hồ Văn Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Quyết Tiến, xã Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; có mặt.

11. Anh Lê Thạc L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 9, xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; có mặt.

12. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 317/4/6 Điện Biên Phủ, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế; vắng mặt.

13. Chị Phan Thị Â, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Hồng Hà, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

14. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 2, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; có mặt.

15. Anh Trương Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 2, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

16. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 8, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

17. Anh Hồ Đức H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn 3B, xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

18. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Địch Lương, xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

19. Bà Đỗ Tố U, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 8, đường Tân Hòa, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

20. Anh Dương Văn H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 6, xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

21. Anh Trần Thế H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Khu 6, xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

22. Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Đâu Kiên, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; có mặt.

23. Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đâu Kiên, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; có mặt.

24. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn An Bảo, xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

25. Chị Lương Thị A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Quyết Tiến 3, An Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

26. Anh Nguyễn Đăng B, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn 3, xã Kiền Bái, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng: 90.000.000 đồng; vắng mặt.

27. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Hạ Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

28. Anh Lê Anh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Đông Nham 1, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

29. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ 61, Khu Diêm Thủy, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

30. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 36, khu Diêm Thủy, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

31. Chị Hà Mỹ N, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn Dương Tiền, xã Trấn Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

32. Bà Phạm Thị Bích M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 148 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

33. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 140B đường Đà Nẵng, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thị H; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H; vắng mặt.

3. Anh Trần Ngọc S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ DEASHIN Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Công ty) có trụ sở tại số 21 tổ 4 Thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ngày 25/9/2018, do Nguyễn Thị Mai C làm Giám đốc. Công ty có ngành nghề kinh doanh chính là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (đại lý bán vé máy bay, vé tàu). Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, mặc dù Công ty không có chức năng và giấy phép xuất khẩu lao động và bản thân C không sở hữu căn hộ

chung cư Hoàng Huy tại xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhưng Nguyễn Thị Mai C vẫn giới thiệu Công ty có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động, du học tại Hàn Quốc và bán nhà tại Chung cư Hoàng Huy. C chỉ đạo Trần Thị H, Nguyễn Thị H (là các nhân viên Công ty) lập các hợp đồng đặt cọc tư vấn xuất khẩu lao động/hợp đồng du học sinh du học tự nguyện tại Hàn Quốc/hợp đồng tư vấn du học/hợp đồng mua bán nhà. Sau đó C trực tiếp ký hợp đồng và chỉ đạo Hòa, Hương viết phiếu thu, nhận tiền mặt và qua chuyển khoản ngân hàng, sau đó lấy tiền C tiêu cá nhân hết.

1. Chiếm đoạt của 31 người lao động tại các tỉnh, thành phố đã nộp tổng số tiền 3.398.400.000 đồng cho Nguyễn Thị Mai C để đi xuất khẩu lao động và du học bao gồm: Anh Nguyễn Văn C 260.000.000 đồng; anh Phạm Văn K 205.000.000 đồng; ông Phạm Văn Q, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị N 357.500.000 đồng; anh Bùi Đình Đ 240.000.000 đồng; anh Phan Văn N 55.000.000 đồng; anh Nguyễn Bá M 80.000.000 đồng; anh Đinh Văn S 80.000.000 đồng; anh Trần Văn H 80.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T 56.000.000 đồng; anh Hồ Văn Đ 80.000.000 đồng; anh Lê Thạc L 80.000.000 đồng; anh Nguyễn Hoàng A 55.000.000 đồng; chị Phan Thị Â 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T 80.000.000 đồng; anh Trương Văn T 80.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn L 67.500.000 đồng; anh Hồ Đức H 70.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn B 100.000.000 đồng; bà Đỗ Tố U 40.000.000 đồng; anh Dương Văn H 136.700.000 đồng; anh Trần Thế H 136.700.000 đồng; ông Đỗ Văn M 90.000.000 đồng và 2.000 USD (tương đương với 136.700.000 đồng); anh Nguyễn Trọng V 90.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn S 90.000.000 đồng; chị Lương Thị A 70.000.000 đồng; anh Nguyễn Đăng B 90.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ 105.000.000 đồng; anh Lê Anh T 90.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức H 57.800.000 đồng; anh Lê Văn Đ 31.500.000 đồng; anh Hà Mỹ N 278.000.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của 03 người đã nộp tổng số tiền 2.980.000.000 đồng cho C để đặt cọc mua nhà tại chung cư Hoàng Huy, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng gồm: Bà Phạm Thị Bích M 1.990.000.000 đồng; bà Vũ Thị H 840.000.000 đồng; chị Phan Thị Â 150.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiếp nhận, thu giữ: 20 Hợp đồng đặt cọc tư vấn xuất khẩu lao động, 01 hợp đồng du học sinh du học tự nguyện, 01 Hợp đồng tư vấn du học; 11 biên bản thanh lý hợp đồng; 18 phiếu thu; 03 Thông báo về việc kéo dài thời gian thanh toán tiền đặt cọc; 09 hợp đồng dịch vụ mua bán nhà; 09 Phiếu thu; 05 biên bản đặt cọc có chữ viết, chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Mai C; 03 điện thoại di động của Nguyễn Thị Mai C.

Tại bản Kết luận giám định số 78/KL-KTHS(TL) và số 91/KL-KTHS(TL) ngày 08/5/2023 và ngày 27/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ ký mang tên Giám đốc Nguyễn Thị Mai C trên các Hợp đồng dịch vụ tư vấn xuất khẩu lao động, Hợp đồng đặt cọc, Biên bản đặt cọc, Biên bản thanh lý hợp đồng, Phiếu thu, Thông báo, Hợp đồng du học sinh, Hợp đồng dịch vụ mua nhà, Bản cam kết; chữ viết có nội dung "Hẹn tới ngày 25/11/2021 thanh toán cho cô H 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi

triệu đồng chẵn) 2 lần cách nhau 3 ngày" so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Mai C là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản Kết luận giám định số 195/KL-KTHS (KTS) ngày 18/4/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hải Phòng kết luận: trong 03 điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Thị Mai C có các cuộc gọi, tin nhắn, hội thoại được lưu trong máy. Các dữ liệu được nén vào một tập tin có phần mở rộng zip lưu trong USB.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2022, Công ty do Nguyễn Thị Mai C làm giám đốc không có chức năng và giấy phép xuất khẩu lao động, du học tại Hàn Quốc, không sở hữu các căn hộ tại Chung cư Hoàng Huy nhưng C đã dùng thủ đoạn gian dối tạo sự tin tưởng của những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, học tập và mua căn hộ ký các hợp đồng, thu tiền nhằm mục đích Chiếm đoạt ăn tiêu cá nhân. Nguyễn Thị Mai C đã Chiếm đoạt của 31 người có nhu cầu đi lao động, học tập số tiền 3.398.400.000 đồng, Chiếm đoạt của 03 người có nhu cầu mua căn hộ số tiền 2.980.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị Mai C đã Chiếm đoạt của những người bị hại là 6.378.400.000 đồng. Sau khi bị phát hiện, Nguyễn Thị Mai C đã bỏ trốn, đến ngày 17/9/2022 bị bắt theo lệnh truy nã.

- Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Mai C, do còn liên quan đến vụ án, tin báo khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đang thụ lý giải quyết nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục tạm giữ, không chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Đối với 01 USB và các hình ảnh trích xuất đi kèm hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Hiện tại C đã trả cho anh Lê Thạc L 31.000.000 đồng, Đinh Văn S 19.000.000 đồng, Trần Văn H 20.000.000 đồng, Nguyễn Bá M 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn S 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn B 45.000.000 đồng, Trương Văn T 15.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ 30.000.000 đồng. Những người bị hại yêu cầu Nguyễn Thị Mai C trả lại số tiền đã Chiếm đoạt.

Bản Cáo trạng số: 136/CT-VKS-P3 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Thị Mai C phạm tội "Lừa đảo Chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mai C phạm tội "Lừa đảo Chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điều 38 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai C 20 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 17/9/2022; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; biện pháp tư pháp: Không có; bồi thường thiệt hại: Buộc bị

cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo quy định; xử lý vật chứng: Theo quy định; bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên đã luận tội đối với bị cáo.

- Ý kiến của bị hại: Đề nghị xử lý bị cáo theo quy định, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã Chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều từ chối việc mời luật sư bào chữa cho bị cáo, đây là sự tự nguyện của bị cáo nên chấp nhận.

[3] Những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bởi lời khai của bị hại; lời khai của người làm chứng; vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị Mai C đã có hành vi gian dối, làm cho các bị hại tin tưởng bị cáo với tư cách là giám đốc Công ty đưa được người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc; mua được căn hộ chung cư Hoàng Huy, để Chiếm đoạt của các bị hại với số tiền cụ thể như sau: Anh Nguyễn Văn C 260.000.000 đồng; anh Phạm Văn K 205.000.000 đồng; ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị N 357.500.000 đồng; anh Bùi Đình Đ 240.000.000 đồng; anh Phan Văn N 55.000.000 đồng; anh Nguyễn Bá M 80.000.000 đồng; anh Đinh Văn S 80.000.000 đồng; anh Trần Văn H 80.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T 56.000.000 đồng; anh Hồ Văn Đ 80.000.000 đồng; anh Lê Thạc L 80.000.000 đồng; anh Nguyễn Hoàng A 55.000.000 đồng; chị Phan Thị Â 20.000.000 đồng du học, 150.000.000 đồng mua căn hộ, tổng 170.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T 80.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn B 100.000.000 đồng; bà Đỗ Tố U 40.000.000 đồng; anh Dương Văn H 136.700.000 đồng; anh Trần Thế H 136.700.000 đồng; ông Đỗ Văn M 136.700.000 đồng (tương đương với 90.000.000 đồng và 2.000 USD); anh Nguyễn Trọng V 90.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn S 90.000.000 đồng; chị Lương Thị A 70.000.000 đồng; anh Nguyễn Đăng B 90.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ 105.000.000 đồng; anh Lê Anh T 90.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức H 57.800.000 đồng; anh Lê Văn Đ 31.500.000 đồng; chị Hà Mỹ N 278.000.000 đồng; bà Phạm Thị Bích M 1.990.000.000 đồng; bà Vũ Thị H 840.000.000 đồng. Đối với các trường hợp của anh Hồ Đức H, anh Nguyễn Văn

L, anh Trương Văn T chỉ có đơn trình báo, Cơ quan điều tra triệu tập nhưng chưa ghi lời khai, theo kết quả ủy thác những người bị hại đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Tuy nhiên tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ như hợp đồng đặt cọc, sao kê ngân hàng và lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Mai C phù hợp với đơn trình báo của các bị hại nên có đủ căn cứ xác định, Nguyễn Thị Mai C đã Chiếm đoạt tiền của anh Hồ Đức H số tiền 70.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn L số tiền 67.500.000, anh Trương Văn T số tiền 80.000.000 đồng (đã được trả lại 15.000.000 đồng). Với hành vi nêu trên, bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo Chiếm đoạt tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do tổng số tiền bị cáo Chiếm đoạt của các bị hại là 6.378.400.000 đồng nên bị cáo phải bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt là "Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên". Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, đề nghị kết tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên toà đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc xử lý: Xét thấy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mặc dù, bị cáo nhân thân không có tiền án, tiền sự, tuy nhiên, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật; sau khi phạm tội bỏ trốn một thời gian gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố. Vì vậy, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ trong một thời gian dài mới đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo là người lao động tự do không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

[6.1] Đối với các bị hại có đề nghị bồi thường: Trong số các bị hại có anh Nguyễn Bá M bị Chiếm đoạt 80.000.000 đồng, đã được bị cáo trả lại 20.000.000 đồng, nay yêu cầu bồi thường 60.000.000 đồng; anh Đinh Văn S bị Chiếm đoạt 80.000.000 đồng, đã được bị cáo trả lại 19.000.000 đồng, nay yêu cầu bồi thường 61.000.000 đồng; anh Trần Văn H bị Chiếm đoạt 80.000.000 đồng, đã được bị cáo trả lại 20.000.000 đồng, nay yêu cầu bị cáo bồi thường 60.000.000 đồng; anh Lê Thạc L bị Chiếm đoạt 80.000.000 đồng, đã được bị cáo trả lại 31.000.000

đồng, nay yêu cầu bị cáo bồi thường 49.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn B bị Chiếm đoạt 100.000.000 đồng, đã được bị cáo trả lại 45.000.000 đồng, nay yêu cầu bị cáo bồi thường 55.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn S bị Chiếm đoạt 90.000.000 đồng, đã được bị cáo trả lại 20.000.000 đồng, nay yêu cầu bị cáo bồi thường 70.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ bị Chiếm đoạt 105.000.000 đồng, đã được bị cáo trả lại 30.000.000 đồng, nay yêu cầu bị cáo bồi thường 75.000.000 đồng. Các bị hại còn lại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã Chiếm đoạt. Căn cứ vào các điều 274, 275, 280 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền đã Chiếm đoạt.

[6.2] Đối với các trường hợp anh Hồ Đức H, anh Nguyễn Văn L, anh Trương Văn T chỉ có đơn trình báo. Cơ quan điều tra triệu tập nhưng chưa ghi được lời khai, theo kết quả ủy thác những người bị hại đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nên tách yêu cầu bồi thường dân sự để giải quyết sau khi anh Hồ Đức H, anh Nguyễn Văn L, anh Trương Văn T có yêu cầu.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A92 đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Mai C, do còn liên quan đến vụ án, tin báo khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đang thụ lý giải quyết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục tạm giữ, không chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

[8] Về đồ vật tài liệu liên quan đến vụ án: Đối với 01 USB và các hình ảnh trích xuất đi kèm hồ sơ vụ án chuyển lưu theo hồ sơ vụ án.

[9] Trong vụ án này:

- Bà Phạm Thị Bích M có tham gia góp vốn với C số tiền 680.000.000 đồng để kinh doanh bán vé máy bay. Công ty Deashin có hoạt động kinh doanh vé máy bay và Nguyễn Thị Mai C cũng đã trả một phần số tiền góp vốn cho bà Mai nên chưa đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị Mai C có hành vi Chiếm đoạt số tiền này của bà Mai nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ.

- Trong đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra còn có bị hại là bà Trần Thị Kim Hương - sinh 1984, trú quán: Ấp Thanh Sơn, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã nhiều lần mời chị Hương đến để làm rõ nội dung tố cáo nhưng chị Hương không đến, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nội dung đơn để xử lý theo quy định.

- Đối với Phan Văn N do không tìm hiểu, tin tưởng vào sự giới thiệu của Nguyễn Thị Mai C đã nhận tiền của những người bị hại khác để chuyển cho C, bản thân Nhật cũng nộp tiền cho C để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên không đồng phạm với Nguyễn Thị Mai C.

- Đối với Trần Ngọc Sinh, Trần Thị Hòa và Nguyễn Thị Hương là nhân viên làm việc tại công ty do C là giám đốc, không biết rõ về các hoạt động của công ty và thực hiện công việc theo sự yêu cầu của C, không được bàn bạc và hưởng lợi từ việc trên do đó Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mai C 20 (Hai mươi) năm tù về tội "Lừa đảo Chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt truy nã ngày 17/9/2022.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; căn cứ vào các Điều 274, 275, 280 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Mai C phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại với các số tiền cụ thể sau đây:

Anh Nguyễn Văn C số tiền 260.000.000 đồng; anh Phạm Văn K số tiền 205.000.000 đồng; ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị N số tiền 357.500.000 đồng; anh Bùi Đình Đ số tiền 240.000.000 đồng; anh Phan Văn N số tiền 55.000.000 đồng; anh Nguyễn Bá M số tiền 60.000.000 đồng; anh Đinh Văn S số tiền 61.000.000 đồng; anh Trần Văn H số tiền 60.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T số tiền 56.000.000 đồng; anh Hồ Văn Đ số tiền 80.000.000 đồng; anh Lê Thạc L số tiền 49.000.000 đồng; anh Nguyễn Hoàng A số tiền 55.000.000 đồng; chị Phan Thị Â số tiền 20.000.000 đồng du học, 150.000.000 đồng mua căn hộ, tổng 170.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T 80.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn B số tiền 55.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn S số tiền 70.000.000 đồng; bà Đỗ Tố U số tiền 40.000.000 đồng; anh Dương Văn H số tiền 136.700.000 đồng; anh Trần Thế H số tiền 136.700.000 đồng; ông Đỗ Văn M số tiền 136.700.000 đồng; anh Nguyễn Trọng V số tiền 90.000.000 đồng; chị Lương Thị A số tiền 70.000.000 đồng; anh Nguyễn Đăng B số tiền 90.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ số tiền 75.000.000 đồng; anh Lê Anh T số tiền 90.000.000 đồng; anh Nguyễn Đức H số tiền 57.800.000 đồng; anh Lê Văn Đ số tiền 31.500.000 đồng; chị Hà Mỹ N số tiền 278.000.000 đồng; bà Phạm Thị Bích M số tiền 1.990.000.000 đồng; bà Vũ Thị H số tiền 840.000.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị Mai C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 113.975.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại (đối với các khoản tiền phải trả cho bị hại) cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- CQCSĐT Công an thành phố Hải Phòng;
- CQTHS hình sự;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn